TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-PT
Ngày 19 – 02 – 2024
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.
Các Thẩm phán:
1. Ông Lê Thanh Hùng.
2. Ông Trương Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2023/TLPT-DS, ngày 31/10/2023 về việc *"Tranh chấp Quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng N, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ninh Lợi, xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1940.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Văn H: Chị Đỗ Thị Mộng N1, sinh ngày 24/3/1982. Địa chỉ: Khu A, ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 09/10/2023)(có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1940.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Thị Đ: Chị Đỗ Thị Mộng N1, sinh ngày 24/3/1982. Địa chỉ: Khu A, ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 09/10/2023)(có mặt).

3.2. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1959 (vắng mặt).

3.3. Anh Đỗ Thanh C, sinh năm 1972 (có mặt).

3.4. Bà Đỗ Thị Kim T1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

3.5. Anh Đỗ Thanh Ú, sinh năm 1986 (vắng mặt).

3.6. Chị Đỗ Thị Mộng N1, sinh năm 1982 (có mặt).

3.7. Bà Võ Thị Thu T2, sinh năm 1966 (vắng mặt).

3.8. Chị Đỗ Thị Hằng N2, sinh năm 1991 (vắng mặt).

3.9. Chị Đỗ Thúy D, sinh năm 1993 (vắng mặt).

3.10. Anh Đỗ Khánh D1, sinh năm 2001 (vắng mặt).

3.11. Chị Đỗ Thị Kim Đ1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.12. Chị Đỗ Thị Thu T3, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3.13. Chị Đỗ Thị Ngọc B, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Đỗ Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Đặng Hoàng N là nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc phần đất hiện ông đang tranh chấp với ông Đỗ Văn H là do Tập đoàn cấp cho cha vợ ông là cụ Đỗ Văn L vào năm 1982, đến năm 1983 cha vợ ông cho lại vợ chồng ông với diện tích ngang khoảng 10 tầm, dài khoảng 60 tầm, phần đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (trong đó có phần đất lung đang tranh chấp). Sau khi được cho đất, ông sử dụng phần đất để trồng lúa, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này, ông có kê khai một phần diện tích đất trồng lúa và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất hiện đang tranh chấp là đất lung sâu không có trồng lúa được nên ông chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Từ khi được cấp đất, ông là người trực tiếp canh tác phần đất được cấp, phần đất nào trồng lúa được thì ông trồng lúa, còn phần đất tranh chấp ông làm đìa dẫn cá trong ruộng về khi nào thu hoạch lúa, tát đìa bắt cá ăn. Việc ông sử dụng đất, các hộ có phần đất cặp ranh đều biết như: bà Lê Thị Q, vợ chồng ông T4 bà P, bà X, ông 3 D2, ông Út Đèo N3 là Trưởng ấp N. Năm 2003, Nhà nước có chủ trương làm tuyến đường Quản Lộ - P, Ủy ban nhân dân huyện H có quyết định thu hồi của ông phần đất trồng lúa diện tích 867m^2 và phần đất lung diện tích đất 1.311m^2 và ông đã được Nhà nước hỗ trợ bồi thường xong, ông cũng đã bàn giao đất cho Nhà nước làm lộ. Phần đất còn lại chưa được thu hồi, ông tiếp tục sử dụng đến năm 2016, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông định bán phần đất này, khi ông dẫn người ra đo đạc để bán thì ông H ra ngăn cản nói là đất của ông H. Từ năm 2016 đến nay ông H tự ý chiếm đất, đắp nền nhà trên đó. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn H giao trả cho ông phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 1234,6m^2 tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

Theo chị Đỗ Thị Mộng N1 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày: Nguồn gốc phần đất hiện ông N tranh chấp với ông H là của cha ruột ông H tên Đỗ Văn C1 (chết năm 1986) khai phá vào năm 1945. Đến năm 1975, do ông C1 già yếu, ông H là con út ở chung nhà nên cha ông H đã giao lại cho ông H quản lý sử dụng toàn bộ khoảng 12 công tầm cấy, việc cha ông Hiểu cho đất không có làm giấy tờ gì nhưng anh em trong gia đình, bà con thân tộc và hàng xóm lân cận đều biết. Phần đất này cha ông H chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H sử dụng thì cũng chưa kê khai đăng ký nên cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi ông H được cha cho đất, ông H sử dụng liên tục, trực tiếp không có tranh chấp với ai, hiện phần đất

này ông có đắp một cái nền nhà ngang 5m dài 21m và dưới nước thì trồng cây bồn bồn để lấy ngó ăn. Năm 2005, Nhà nước có chủ trương thu hồi đất để làm tuyến đường Q - P, có thu hồi đất và bồi thường. Nhà nước múc đường kênh chia phần đất ông H làm thành 2 phần, một phần hiện ông H đang sử dụng không có tranh chấp, phần còn lại có diện tích qua đo đạc thực tế là 1234,6 m^2 hiện ông N đang khởi kiện ông H. Ông H không yêu cầu ông N hỗ trợ công sức cải tạo, bồi đắp đối với phần đất này. Ông H không đồng ý giao trả phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 1234,6m^2 tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo yêu cầu khởi kiện của ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông N và không có ý kiến bổ sung thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh C trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của ông Đỗ Văn H. Anh Đỗ Thanh C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Mộng N1 trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của ông Đỗ Văn H. Chị N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng N.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh Ú, chị Đỗ Thị Ngọc B, chị Đỗ Thị Thu T3, chị Đỗ Thị Kim T1, chị Đỗ Thị Kim Đ1, bà Võ Thị Thu T2, chị Đỗ Thị Hằng N2, chị Đỗ Thúy D và anh Đỗ Khánh D1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Đỗ Văn H và không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng N về việc yêu cầu ông Đỗ Văn H giao trả phần đất lấn chiếm có diện tích qua đo đạc thực tế là 1234,6m^2. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp giữa bà Lê Thị Q và ông Đỗ Văn H có cạnh dài 62,6m; Hướng Tây giáp đường Q có cạnh dài 65,2m; Hướng Nam giáp phần đất ông Đặng Hoàng N đang sử dụng có cạnh dài 19,5m; Hướng Bắc giáp phần đất ông Trần Văn Á và ông Quách Thanh T5 có cạnh dài 18,8m

Diện tích 1234,6m^2: Nằm trong thửa 133, tờ bản đồ số 06 chưa có ai đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Theo hồ sơ địa chính UBND xã N A thành lập năm 2009:

Diện tích 1234,6m^2: Nằm trong thửa 48, tờ bản đồ số 09 do hộ ông Đỗ Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Buộc ông Đỗ Văn H di dời phần nền đất đã đắp ngang 5m dài 21m trên phần đất của ông N để giao trả đất cho ông N.

Ông Đặng Hoàng N được quyền kê khai đăng ký đối với diện tích đất này theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đỗ Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đặng Hoàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn H giao trả cho ông diện tích đất qua đo đạc thực tế 1234,6m^2, tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ: Ông H và bà Đ yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

[3.1] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp và quá trình sử dụng: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Đỗ Văn C1. Tuy nhiên, ông N cho rằng cụ C1 đã đưa đất tham gia vào Tập đoàn để trồng khóm, và ông Đỗ Văn L1 là người được cấp phần đất này. Đến năm 1983, ông L1 cho lại vợ chồng ông N sử dụng. Ông H và bà Đ cho rằng đất tranh chấp đã được cụ Đỗ Văn C1 cho và sử dụng từ năm 1975 cho đến nay. Qua xác minh người làm chứng không có quan hệ thân tộc với các bên đương sự, xác định đất tranh chấp là đất lung, bỏ hoang (bút lục 70, 72), nên không có căn cứ xác định quá trình sử dụng đất theo lời trình bày của các bên.

[3.2] Xét về quá trình thu hồi bồi thường của cơ quan Nhà nước: Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất của Ban bồi thường giải tỏa huyện H vào ngày 15/8/2005 thể hiện phần đất nằm tại thửa số 1 tờ bản đồ số 5, chủ sử dụng là ông Đặng Hoàng

N, qua đo đạc diện tích thu hồi là 1311m^2, diện tích còn lại là 1706m^2, tổng diện tích của thửa đất này là 3017m^2. Diện tích còn lại sau khi bị thu hồi phù hợp với diện tích hiện đang tranh chấp. Diện tích đất thu hồi nằm trước và liền kề với đất tranh chấp, khi ông N nhận tiền bồi hoàn, ông Hiểu b và cũng không có khiếu nại.

[3.3] Xét về quá trình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất: Diện tích đất tranh chấp chưa cấp quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào. Ông H kê khai sổ mục kê vào năm 2009. Tuy nhiên, phần đất này ông H đã kê khai sau khi bị Nhà nước thu hồi, bồi thường cho ông N.

[3.4] Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ không cung cấp chứng cứ nào khác làm thay đổi bản chất vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu ghi nhận: Trên diện tích đất tranh chấp ông H có đắp 01 cái nền bằng đất ngang 5m, dài 21m. Trong quá trình giải quyết sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không yêu cầu giải quyết. Trong trường hợp Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông N, ông H cũng không yêu cầu ông N trả công sức bồi đắp, tôn tạo đối với nền đất này. Xét quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra giải quyết, theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án, Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

[7] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 298, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự; điểm c khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng N về việc yêu cầu ông Đỗ Văn H giao trả diện tích đất 1234,6m^2. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp giữa bà Lê Thị Q và ông Đỗ Văn H có cạnh dài 62,6m;
- Hướng Tây giáp đường Q - Phụng Hiệp có cạnh dài 65,2m;
- Hướng Nam giáp phần đất ông Đặng Hoàng N đang sử dụng có cạnh dài 19,5m;
- Hướng Bắc giáp phần đất ông Trần Văn Á và ông Quách Thanh T5 có cạnh dài 18,8m.

Diện tích 1234,6m^2: Nằm trong thửa 133, tờ bản đồ số 06 chưa có ai đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Theo hồ sơ địa chính UBND xã N A thành lập năm 2009: Diện tích 1234,6m^2 nằm trong thửa 48, tờ bản đồ số 09 do hộ ông Đỗ Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân và M trích đo địa chính ngày 18/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H)

2. Ông Đặng Hoàng N có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất 1234,6m^2 theo quy định pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Văn H phải chịu 2.390.276 đồng. Ông Đặng Hoàng N đã chi xong, buộc ông Đỗ Văn H phải hoàn trả cho ông Đặng Hoàng N số tiền 2.390.276 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Đỗ Văn H, bà Mai Thị Đ.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Phan Công Trí